

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 12-THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 93/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 11/9/2025

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12-THANH HOÁ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Ánh Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Thanh Bình

2. Bà Nguyễn Thị Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hải Vân - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 12 - Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nhữ Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 12 - Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 55/2025/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 5 năm 2025 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2025/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Hà Văn L, sinh năm: 1982

CCCD: 038082026632; Cấp ngày: 28/6/2021; Nơi cấp: Cục C về TTXH.

Địa chỉ: Thôn K, xã P, tỉnh Thanh Hóa (Trước đây là: Thôn K, xã T, huyện B, tỉnh Thanh Hóa). Vắng mặt. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Chị Ngân Thị O, sinh năm: 1986

CCCD: 038186036527; Cấp ngày: 08/9/2022; Nơi cấp: Cục C về TTXH.

Địa chỉ: Thôn K, xã P, tỉnh Thanh Hóa (Trước đây là: Thôn K, xã T, huyện B, tỉnh Thanh Hóa). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 01/4/2025 và bản tự khai nguyên đơn anh Hà Văn L trình bày: Anh và chị O tự nguyện kết hôn, tổ chức cưới theo tập quán và có đăng ký kết hôn ngày 23/5/2005 tại UBND xã T, huyện B, tỉnh Thanh Hóa (Nay là xã P, tỉnh Thanh Hóa). Thời gian đầu hôn nhân hạnh phúc, quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị O có tình cảm với người khác, không còn quan tâm đến gia đình, chồng con, anh khuyên nhủ nhiều lần không

được, Từ tháng 02/2025, chị O bỏ đi không về sống với anh nữa, anh vì thương con nên đã động viên chị O quay về nhưng chị O không đồng ý đoàn tụ. Nay xét thấy chị O không còn tình cảm với anh nữa, nên anh đề nghị xin được ly hôn với chị O.

Bị đơn chị Ngân Thị O tại bản tự khai và quá trình làm việc tại Tòa án trình bày: Chị và anh L tìm hiểu trong khoảng thời gian 05 năm, tự nguyện kết hôn, có tổ chức cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện B, tỉnh Thanh Hóa (Nay là xã P, tỉnh Thanh Hóa) ngày 23/5/2005. Quá trình chung sống anh L nhiều lần bạo lực đối với chị, do mâu thuẫn nên chị bỏ đi làm xa nhà, nay anh L yêu cầu ly hôn, bản thân chị không còn tình cảm với anh L nên chị đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh L và chị O có 02 con chung là cháu Hà Văn H, sinh ngày 21/3/2005 và Hà Đức D, sinh ngày 08/4/2009. Cháu H đã đủ tuổi thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn cháu D anh L có nguyện vọng được nuôi con, không yêu cầu chị O cấp dưỡng nuôi con chung. Chị O đồng ý với yêu cầu của anh L.

Về tài sản: Các bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Thanh Hóa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình. Điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Về hôn nhân: Đề nghị xử cho anh Hà Văn L được ly hôn chị Ngân Thị O.

Về con chung: Đề nghị giao cháu Hà Đức D, sinh ngày 08/4/2009 cho anh O trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ tuổi thành niên, cháu H đã đủ thành niên nên không yêu cầu giải quyết. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung anh L và chị O không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản chung: Các bên không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

Về án phí: Anh O được miễn án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn anh Hà Văn L làm đơn khởi kiện xin ly hôn đối với chị Ngân Thị O trú tại: Thôn K, xã P, tỉnh Thanh Hóa (Trước đây là: Thôn K, xã T, huyện B, tỉnh Thanh Hóa). Do đó, việc anh L khởi kiện thuộc thẩm quyền

giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 12-Thanh Hóa quy định tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án về ly hôn, tranh chấp về nuôi con được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục xét xử vắng mặt: Anh Hà Văn L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị Ngân Thị O được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về yêu cầu của nguyên đơn: Anh L và chị O kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện B, tỉnh Thanh Hóa (Nay là xã P, tỉnh Thanh Hóa) nên công nhận là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại điều 9 Luật Hôn nhân gia đình. Mâu thuẫn vợ chồng là do hai bên không còn tin tưởng, yêu thương, tôn trọng lẫn nhau, bất đồng quan điểm sống dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, chị O đã ly thân với anh L từ tháng 2/2025 cho đến nay và chị đồng ý ly hôn với anh L. Xét mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nên yêu cầu của anh L là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Hà Văn H, sinh ngày 21/3/2005 và Hà Đức D, sinh ngày 08/4/2009. Cháu H đã đủ thành niên, không yêu cầu giải quyết. Còn cháu D, anh L có nguyện vọng được nuôi con, không yêu cầu chị O cấp dưỡng. Chị O đồng ý với yêu cầu của anh L về vấn đề con chung. Cháu D cũng có nguyện vọng ở với bố. Do đó, giao cháu D cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ tuổi thành niên là phù hợp. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản chung: Các đương sự không có yêu cầu, nên không xem xét

[6] Về án phí: Anh L thuộc hộ cận nghèo năm 2025, anh đã có đơn xin miễn án phí nên anh được miễn nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình. Khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm a và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Xử cho anh Hà Văn L được ly hôn chị Ngân Thị O.

2. Về con chung: Cháu Hà Văn H, sinh ngày 21/3/2005 đã đủ tuổi thành niên, không yêu cầu giải quyết. Giao cháu Hà Đức D, sinh ngày 08/4/2009 cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ tuổi thành niên. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung anh L không yêu cầu giải quyết. Chị O có quyền, nghĩa vụ thăm nom và chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, các đương sự có quyền khởi kiện về việc cấp dưỡng và thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu, nên không giải quyết.

4. Về án phí: Anh L được miễn án phí ly hôn sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 12-Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã Pù Luông;
- Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Ánh Tuyết

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Bùi Thanh Bình

Nguyễn Thị Thành

Vũ Thị Ánh Tuyết

